

Phép nhân và phép chia số tự nhiên

Họ và tên: _____

Ngày: _____

DẠNG 1. Tính nhẩm, tính hợp lí

Gợi ý: nhóm các cặp $2 \cdot 5$, $4 \cdot 25$, $8 \cdot 125$; hai tích có thừa số chung thì dùng phân phối.

Bài 1. Tính nhẩm.

a) $50 \cdot 29 \cdot 2$

.....
.....

b) $125 \cdot 7 \cdot 8$

.....
.....

c) $4 \cdot 19 \cdot 25 \cdot 3$

.....
.....
.....

d) $27 \cdot 101$

.....
.....
.....

Bài 2. Tính một cách hợp lí.

a) $45 \cdot 63 + 45 \cdot 37$

.....
.....

b) $2 \cdot 31 \cdot 12 + 4 \cdot 6 \cdot 42 + 8 \cdot 27 \cdot 3$ (gợi ý: ba tích có chung một thừa số ẩn)

.....
.....
.....

DẠNG 2. Thương và số dư

Gợi ý: số dư luôn nhỏ hơn số chia; $a = b \cdot q + r$ với $0 \leq r < b$.

Bài 3. Đặt tính rồi tìm thương và số dư (nếu có).

a) $2\,016 : 42$

b) $1\,000 : 27$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Bài 4. Tìm số bị chia a , biết

a) a chia cho 9 được thương 23, dư 5.

b) a chia hết cho 15, thương 40.

.....
.....

.....
.....

Bài 5. Minh viết $500 : 23 = 20$ (dư 40). Đúng hay sai? Nếu sai, hãy sửa lại.

.....
.....
.....

DẠNG 3. Bài toán thực tế

Gợi ý: gạch chân số liệu; chia có dư thì đọc kĩ đề hỏi *ít nhất* hay *nhiều nhất*.

Bài 6. Cần chở 250 thùng nước, mỗi chuyến xe chở nhiều nhất 30 thùng. Cần ít nhất mấy chuyến xe?

.....
.....
.....

Bài 7. Lan có 200 nghìn đồng, vở giá 12 nghìn đồng một quyển. Lan mua được nhiều nhất mấy quyển, thừa bao nhiêu tiền?

.....
.....
.....

Phép nhân và phép chia số tự nhiên

DẠNG 1. Tính nhẩm, tính hợp lí

Cách làm. Dùng giao hoán, kết hợp để nhóm các cặp có tích tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn. Dùng phân phối $a(b + c) = ab + ac$ theo cả hai chiều: tách một thừa số thành tổng tròn (như $101 = 100 + 1$), hoặc đặt thừa số chung.

Bài 1.

a) $(50 \cdot 2) \cdot 29 = 100 \cdot 29$. Đáp án: 2 900

b) $(125 \cdot 8) \cdot 7 = 1000 \cdot 7$. Đáp án: 7 000

c) $(4 \cdot 25) \cdot (19 \cdot 3) = 100 \cdot 57$. Đáp án: 5 700

d) $27 \cdot (100 + 1) = 2 700 + 27$. Đáp án: 2 727

Bài 2.

a) $45 \cdot (63 + 37) = 45 \cdot 100$. Đáp án: 4 500

b) $2 \cdot 12 = 4 \cdot 6 = 8 \cdot 3 = 24$ nên tổng bằng $24 \cdot 31 + 24 \cdot 42 + 24 \cdot 27 = 24 \cdot (31 + 42 + 27) = 24 \cdot 100$. Đáp án: 2 400

DẠNG 2. Thương và số dư

Cách làm. Đặt tính chia để tìm thương q và số dư r , kiểm tra $r < b$, thử lại bằng $a = b \cdot q + r$. Biết số chia, thương, số dư thì số bị chia = số chia · thương + số dư.

Bài 3.

a) $201 : 42 = 4$ dư 33; hạ 6: $336 : 42 = 8$ dư 0. Đáp án: thương 48, chia hết

b) $100 : 27 = 3$ dư 19; hạ 0: $190 : 27 = 7$ dư 1. Đáp án: thương 37, dư 1

Bài 4.

a) $a = 9 \cdot 23 + 5 = 207 + 5$. Đáp án: $a = 212$

b) $a = 15 \cdot 40$. Đáp án: $a = 600$

Bài 5. Sai, vì số dư 40 lớn hơn số chia 23 (còn chia tiếp được). $40 - 23 = 17$ nên thương tăng thêm 1. Đúng: $500 : 23 = 21$ (dư 17). Thử lại $23 \cdot 21 + 17 = 483 + 17 = 500$.

Đáp án: $500 : 23 = 21$ (dư 17)

DẠNG 3. Bài toán thực tế

Cách làm. Đọc kĩ đề, gạch chân số liệu, chọn phép nhân hay phép chia, trả lời có đơn vị. Chia có dư: hỏi *ít nhất* (cần chở hết, cần đủ chỗ) thì lấy thương +1; hỏi *nhiều nhất* (mua được, xếp được) thì giữ nguyên thương.

Bài 6. $250 : 30 = 8$ (dư 10). Tám chuyến chở được 240 thùng, còn 10 thùng cần thêm một chuyến nữa: $8 + 1 = 9$.

Đáp án: **9 chuyến**

Bài 7. $200 : 12 = 16$ (dư 8). Số tiền dư 8 nghìn không đủ mua thêm một quyển.

Đáp án: **16 quyển, thừa 8 nghìn đồng**